TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THƯỜNG TÍN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 23/6/2023
V/v tranh chấp: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THƯỜNG TÍN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Trang

Ông Dương Minh Khương

Thư ký phiên toà: Bà Vũ Hà Anh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Tín tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thúy Hằng- Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 95/2023/TLST-HNGĐ ngày 04/5/2023 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2023/QĐXX-ST ngày 08 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Chị Trương Thị L-** sinh năm 1978 (*có mặt)*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn Cống Xuyên, xã N, huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội.

Trú tại: thôn Long Phú, xã H, huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội

- Bị đơn: **Anh Trịnh Xuân H** - sinh năm 1985 *(có mặt)*

Nơi đăng ký thường trú và trú tại: thôn Cống Xuyên, xã N, huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 06/4/2023 và các văn bản tiếp theo, nguyên đơn là chị Trương Thị L trình bày:

Chị và anh Trịnh Xuân H về chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn ngày 07/6/2011 tại UBND xã N, huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn Cống Xuyên, xã N, huyện Thường Tín. Vợ chồng chung sống được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh H không chịu làm ăn kinh tế trong gia đình thậm chí còn đánh đập chị. Năm 2019 chị đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan (Trung Quốc) thì anh H có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác. Vợ chồng cãi chửi nhau qua điện thoại và đến năm 2020 thì không liên lạc với nhau. Năm 2022, chị về nước do sợ anh H đánh đập nên chị không gặp gỡ anh H. Thực tế vợ chồng đã sống ly thân từ 05 năm, không còn tình cảm với nhau, chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Trịnh Hoàng N sinh ngày 28/12/2011 và Trịnh Công S sinh ngày 12/9/2015. Chị L xin trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Thời điểm chị L đi xuất khẩu lao động các con chung anh chị do mẹ đẻ chị L trực tiếp chăm sóc, giáo dục, anh H không gửi tiền ăn học hoặc chăm sóc các con. Sau khi về nước đến nay thì các con do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Chị buôn bán tự do, thu nhập bình quân từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng/01 tháng. Về chỗ ở thì chị đang ở cùng mẹ đẻ tại thôn Long Phú, xã H, huyện Quốc Oai, Hà Nội.

Về tài sản chung, nợ chung: vợ chồng chị không tranh chấp gì về tài sản chung, nợ chung và chị L không yêu cầu Tòa án xem xét.

Bị đơn là anh Trịnh Xuân H trình bày:

Anh và chị Trương Thị L về chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn năm 2011 tại UBND xã N, huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội. Vợ chồng chung sống bình thường chỉ phát sinh mâu thuẫn vào năm 2018, thời điểm này chị L đi lao động xuất khẩu ở Đài Loan (Trung Quốc) có quan hệ ngoại tình với người khác. Anh phát hiện sự việc chị L ngoại tình qua mạng xã hội Faccebook, đồng thời anh khẳng định không có quan hệ ngoại tình với người khác như chị L đã khai. Vợ chồng cắt đứt liên lạc với nhau từ năm 2018, nay chị L yêu cầu ly hôn quan điểm của anh H là đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Trịnh Hoàng N sinh ngày 28/12/2011 và Trịnh Công S sinh ngày 12/9/2015. Anh H yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trịnh Hoàng N, chị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trịnh Công S, không ai phải cấp

dưỡng nuôi con chung cho nhau. Thời gian đi lao động ở nước ngoài chị L tự ý đưa hai con về nhà mẹ đẻ tại xã H, huyện Quốc Oai sinh sống. Từ thời gian đó cho đến nay anh chỉ được gặp các con hai lần do mẹ đẻ của chị L ngăn cấm không cho anh gặp con. Hiện các con của anh đang sinh sống cùng chị L và học tập tại thôn Long Phú, xã H, huyện Quốc Oai, Hà Nội. Anh H làm bảo vệ, thu nhập bình quân là 7.500.000 đồng/01 tháng. Về chỗ ở, anh đang sinh sống tại thôn Cống Xuyên, xã N, huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội có nhà ở ổn định đảm bảo nuôi dạy các con.

Về tài sản chung, nợ chung: vợ chồng anh không tranh chấp gì về tài sản chung, nợ chung và anh H không yêu cầu Tòa án xem xét.

Tại phiên toà:

+Chị L: giữ nguyên quan điểm yêu cầu ly hôn, đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là cháu Trịnh Hoàng N và Trịnh Công S, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung không tranh chấp và không yêu cầu xem xét.

+Anh H: Đồng ý ly hôn với chị L. Anh yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trịnh Hoàng N, chị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trịnh Công S, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung không tranh chấp và không yêu cầu xem xét.

+Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Tín có quan điểm:

-Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng; Các đương sự chấp hành đúng quyền nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

-Về nội dung: chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Trương Thị L được ly hôn anh Trịnh Xuân H. Về con chung: Giao con chung là cháu Trịnh Hoàng N sinh ngày 28/12/2011 và cháu Trịnh Công S sinh ngày 12/9/2015 cho chị Trương Thị L trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục. Chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xét. Anh H có quyền nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Về tài sản chung, nợ chung: các bên đương sự không yêu cầu nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự và của Đại diện Viện Kiểm sát; sau khi nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, quan điểm của bị đơn, xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật giải quyết của vụ án là "Tranh chấp ly hôn" quy định tại khoản 1 Điều 28- Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39- Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị L và anh Trịnh Xuân H kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 07/6/2011 tại UBND xã N, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội. Như vậy, hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Qua xác minh đại diện gia đình hai bên và các đương sự cùng thừa nhận vợ chồng chị L và anh H có nhiều mâu thuẫn và đã sống ly thân 05 năm, không quan tâm đến nhau. Các bên đổ lỗi cho nhau nguyên nhân mâu thuẫn do phía đối phương có quan hệ ngoại tình với người khác. Thực tế cả chị L và anh H xác nhận không còn tình cảm và đề nghị giải quyết ly hôn. Tại phiên tòa, chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, anh H đồng ý ly hôn. Xét thấy, hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị L là có cơ sở chấp nhận. Căn cứ vào các Điều 51, 56 - Luật hôn nhân và gia đình 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Trương Thị L được ly hôn anh Trịnh Xuân H.

[3] Về con chung: Chị L và anh H có hai con chung là cháu Trịnh Hoàng N sinh ngày 28/12/2011 và Trịnh Công S sinh ngày 12/9/2015. Xét nguyện vọng yêu cầu xin trực tiếp nuôi dưỡng con chung của các đương sự đều chính đáng. Qua ghi nhận ý kiến của các cháu N, S đều có nguyện vọng muốn sống cùng chị L. Mặt khác, nhiều năm vợ chồng ly thân hai con chung của anh chị đã sinh sống và học tập tại thôn Long Phú, xã H, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội. Anh H thừa nhận thời gian chị L đi lao động ở nước ngoài, anh không trực tiếp chăm sóc hai con mà do mẹ đẻ của chị L chăm sóc, anh gặp gỡ các con vài lần và nhiều năm nay chưa gặp các con. Anh H cho rằng nguyên nhân do mẹ đẻ chị L cấm đoán không cho gặp gỡ các cháu, tuy nhiên anh không đưa ra được nguyên nhân và các căn cứ chứng minh về lời khai của mình. Như vậy anh H chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của cha mẹ đối với các con. Do đó để đảm để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con, điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng tốt nhất đối với con, phù hợp với nguyện vọng của các con chung anh chị, Hội đồng xét xử giao hai con chung là cháu Trịnh Hoàng N và Trịnh Công S cho chị Trương Thị L trực tiếp nuôi

dưỡng. Chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không tranh chấp và không yêu cầu xem xét nên Hội đồng xét xử không xét. Trường hợp các bên có yêu cầu và phát sinh tranh chấp thì dành quyền khởi kiện cho các đương sự bằng một vụ án khác.

[5]Về án phí: Chị L phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 - Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và điểm a khoản 5- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm,thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6]Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271, 273 - Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

***Áp dụng*:**

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 - Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điều 26- Luật thi hành án dân sự.

- Điểm a khoản 5- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định mức thu, miễn, giảm,thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Xử*:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trương Thị L. Chị Trương Thị L được ly hôn anh Trịnh Xuân H.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Trịnh Hoàng N sinh ngày 28/12/2011 và Trịnh Công S sinh ngày 12/9/2015 cho chị Trương Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không tranh chấp và không yêu cầu xem xét nên Hội đồng xét xử không xét. Trường hợp các bên có yêu cầu và phát sinh tranh chấp thì dành quyền khởi kiện cho các đương sự bằng một vụ án khác.

4. Về án phí: Chị Trương Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp tại biên lai số AA/2020/0023312 ngày 28/4/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội. Chị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Trương Thị L và anh Trịnh Xuân H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

6. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định của tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Những người tham gia tố tụng;
-TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Thường Tín, TP Hà Nội;
-Chi cục THA huyện Thường Tín;
- UBND xã N, huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội;
- Lưu HS vụ án.

Trần Thị Thu Hiền